

Thách thức đối với các ngân hàng Việt Nam khi triển khai các Basel

HỒ HẢI YẾN*

Với hoạt động kinh doanh ngày càng đa dạng và hội nhập sâu rộng, các ngân hàng thương mại (NHTM) đang phải đối mặt với hàng loạt loại rủi ro khác nhau, từ rủi ro tín dụng đến rủi ro thị trường, rủi ro chiến lược và cả rủi ro hoạt động. Vì vậy, việc tuân thủ Hiệp ước Basel nhằm đảm bảo chỉ số an toàn vốn tối thiểu và các yêu cầu thanh khoản là yêu cầu cấp thiết đối với các NHTM trong môi trường nhiều biến động. Song, việc áp dụng các Basel vào thực tiễn Việt Nam vẫn còn khoảng cách, cần có những giải pháp phù hợp.

VÀI NÉT VỀ HIỆP ƯỚC BASEL

Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (Basel Committee on Banking supervision - BCBS) được thành lập vào năm 1974 bởi một nhóm các ngân hàng trung ương và cơ quan giám sát của 10 nước phát triển (G10), nhằm tìm cách ngăn chặn sự sụp đổ hàng loạt của các ngân hàng vào thập niên 1980. Năm 1988, BCBS phê duyệt ban hành văn bản đầu tiên được gọi là Hiệp ước Basel (Basel I) và có hiệu lực áp dụng đối với các quốc gia thành viên từ năm 1992.

Nội dung chính của Basel I:

Basel I ban đầu chia vốn của ngân hàng thành 2 loại: Vốn cấp 1 là nguồn vốn nòng cốt của ngân hàng bao gồm vốn chủ sở hữu; Vốn cấp 2 là nguồn vốn bổ sung, bao gồm: các lợi nhuận được giữ lại không công bố, dự phòng đánh giá lại tài sản, dự phòng chung, công cụ vốn hỗn hợp (ví dụ: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi...), nợ thứ cấp.

Ngoài việc đưa ra được khái niệm về vốn của ngân hàng, Basel I còn đưa ra tỷ lệ điều chỉnh giá trị tài sản trên bảng cân đối kế toán theo mức độ rủi ro tín dụng của tài sản thuộc nội bảng cân đối kế toán và cả các hạng mục trong ngoại bảng cân đối kế toán (off-balance sheet).

Nội dung của Basel II:

Với sự ra đời của Basel I, khái niệm chuẩn mực về vốn ngân hàng và tỷ lệ tối thiểu để phòng ngừa rủi ro đã bắt đầu được thiết lập. Tuy nhiên, tại thời điểm mới triển khai, Basel I đã để lộ ra nhiều thiếu sót. Vì thế, tháng 06/1999, Ủy ban Basel đã đề xuất khung đo lường mới. Đến ngày 26/06/2004, bản Hiệp ước quốc tế về vốn Basel mới (Basel II) đã chính thức được ban hành. Basel II dựa trên ba trụ cột chính:

- *Pillar 1 (Trụ cột thứ nhất):* Các khái niệm về vốn như Basel I vẫn giữ nguyên. Tỷ lệ vốn bắt buộc tối thiểu (Minimum Capital Requirements - MCR) vẫn là 8%. Hệ số rủi ro của tài sản được quy định từ 0% đến 150% và có sự phân định rõ, chi tiết hơn từng loại tài sản.

- *Pillar 2 (Trụ cột thứ hai):* Trụ cột này yêu cầu các ngân hàng phải có hệ thống nội bộ và mô hình đánh giá vốn tối thiểu của ngân hàng phù hợp với danh mục và tỷ trọng rủi ro của ngân hàng.

- *Pillar 3 (Trụ cột thứ ba):* Ngân hàng nên xây dựng báo cáo dựa trên hệ thống quản trị rủi ro của mình và được công bố minh bạch trên thị trường.

Những nội dung sửa đổi tại Basel III:

Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 đã cho thấy những lỗ hổng của Basel II. Vì thế, sau nhiều cuộc họp năm 2010, BCBS đã đưa ra bản Hiệp ước Basel III với những quy định chặt chẽ hơn. Cụ thể là:

Về khái niệm vốn ngân hàng và tỷ lệ vốn tối thiểu: Basel III vẫn quy định tỷ lệ vốn tối thiểu 8%, nhưng yêu cầu nâng cao chất lượng vốn. Theo đó, Basel III đã điều chỉnh vốn bắt buộc, bao gồm: vốn cấp 1 (chiếm tối thiểu 6% so với vốn chủ sở hữu, tối thiểu 4,5% so

* Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | Email: Yen.HH@vietinbank.vn

với tổng tài sản điều chỉnh theo hệ số rủi ro - RWA) và vốn cấp 2 (bỏ đi khái niệm của vốn cấp 3).

Basel III cũng đưa ra khái niệm vốn đệm dự phòng (*Conversation buffer*) là phần vốn dự phòng xảy ra tổn thất của chính ngân hàng, chiếm khoảng 2,5% vốn chủ sở hữu và vốn dự phòng tổn thất hệ thống (*Countercyclical buffer*) được dùng để dự phòng cho việc tăng trưởng tín dụng nóng, với mức từ 0%-2,5% so với RWA.

Về việc bảo đảm rủi ro: Basel III đề cập đến việc rủi ro tín dụng (*Counterparty credit risk*), sửa đổi phương pháp đo lường rủi ro tín dụng và xác định vốn tối thiểu (mô hình Internal model method - IMM đã được đề cập).

LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI BASEL TẠI VIỆT NAM

Basel II và sau đó là Basel III đã tạo tiền đề cho Ngân hàng Nhà nước (NHNN) xây dựng các hành lang pháp lý, cũng như xây dựng hướng dẫn cho các NHTM Việt Nam trong việc tiếp cận với những chuẩn mực quốc tế, cụ thể là:

Quy định về tỷ lệ an toàn vốn:

Năm 1997, Việt Nam đã ban hành Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật Các tổ chức tín dụng Việt Nam. Đến năm 1999, NHNN đã nghiên cứu chuẩn mực quốc tế và điều chỉnh hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD) thông qua việc ban hành: Quyết định số 296/1999/QĐ-NHNN, ngày 25/08/1999 quy định về giới hạn cho vay với một khách hàng của TCTD; Quyết định số 297/1999/QĐ-NHNN, ngày 25/08/1999 quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD. Theo Quyết định số 297, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu giữa vốn tự có so với Tài sản có là 8%; đồng thời quy định các tỷ lệ điều chỉnh giá trị Tài sản có theo rủi ro. Tuy nhiên, các quy định này vẫn còn rất sơ lược, chưa phản ánh hết tinh thần của Basel I.

Ngày 23/04/2003, NHNN ban hành Quyết định số 381/2003/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD ban hành theo Quyết định số 297/1999/QĐ-NHNN, ngày 25/08/1999. Những sửa đổi chủ yếu liên quan đến việc thay đổi tỷ lệ tối đa sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn của các TCTD.

Sau đó, để ngày càng tiệm cận với chuẩn mực quốc tế của các Basel, đến năm 2005, NHNN đã ban hành các quyết định thay thế Quyết định số 296 và Quyết định số 297. Cụ thể, Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN, ngày 19/4/2005 quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, trong đó xây dựng khái niệm vốn cấp 1 và vốn cấp 2 cho các TCTD Việt Nam, cụ thể hóa hơn hệ số chuyển đổi rủi ro của Tài sản có trong ngoại bảng, bổ sung thêm các khoản mục cần tính toán chuyển đổi rủi ro của Tài sản có nội bảng.

Đến năm 2010, NHNN ban hành Thông tư số 13/TT-NHNN chính thức có hiệu lực từ ngày 01/10/2010, thay thế Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN, nâng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu lên 9%.

Quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro:

Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, ngày 22/04/2005 của NHNN quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD. Trong quy định này nêu rõ, các TCTD cần phân loại nợ thành 5 nhóm: Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn); Nhóm 2 (Nợ cần chú ý); Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn); Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ); Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn). Đồng thời, xây dựng công thức trích lập dự phòng cụ thể tương ứng với nợ thuộc từng nhóm; dự phòng trích lập của NHTM cũng được phân ra dự phòng chung và dự phòng cụ thể. Các quy định trong Quyết định số 493 cho thấy, NHNN Việt Nam đang dần hướng tới quản lý và điều chỉnh hoạt động của các NHTM theo đúng chuẩn Basel II. Quyết định số 493 sau đó đã được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN, ngày 25/04/2007 trong việc phân loại nợ và xác định tỷ lệ trích lập dự phòng.

Ngày 21/01/2013, NHNN ban hành Thông tư số 02/2013/TT-NHNN thay thế Quyết định số 780/QĐ-NHNN và dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/06/2013, nhưng sau đó đã phải lùi thời hạn áp dụng. Quyết định số 780/QĐ-NHNN, ngày 23/04/2013 quy định cho phép TCTD cơ cấu lại nợ, không phải chuyển nhóm nợ đối với khách hàng được đánh giá có chiều hướng sản xuất, kinh doanh tích cực. Quyết định số 780 được kéo dài thời hạn đến ngày 01/04/2015. Đến tháng 07/2015, Thống đốc NHNN đã có văn bản số 5057/NHNN-TTGSNH yêu cầu các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện phân loại nợ theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN kể từ ngày 12/04/2015. Thông tư số 02/2013/TT-NHNN quy định chặt chẽ về phân loại nợ và tính tỷ lệ dự phòng, mở rộng phạm vi tài sản được phân loại, quy định TCTD điều chỉnh phân loại nợ theo kết quả phân loại nợ của Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia - CIC. Theo đó, toàn bộ dư nợ và giá trị các cam kết ngoại bảng của một khách hàng phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ và xếp vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

Từ quý II/2015, NHNN có đưa ra dự thảo Thông tư hướng dẫn về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này đã có nhiều đổi mới so với những văn bản hướng

dẫn về Basel trước đây của NHNN, như: đưa khái niệm đầy đủ về các loại rủi ro cần nhận diện trong hoạt động ngân hàng, tỷ lệ vốn an toàn được quy định theo đúng công thức của Basel II và được duy trì ở mức 8% (thay vì là 9% như được quy định trong Thông tư số 13/TT-NHNN); khái niệm vốn cũng được quy định cụ thể như Basel II, các tính toán vốn yêu cầu để phòng ngừa rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động...

ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI BASEL TẠI CÁC NGÂN HÀNG VIỆT NAM

Thực tế, sau Thông tư số 13/TT-NHNN, nhiều NHTM lớn của Việt Nam đã tuân thủ và luôn duy trì tỷ lệ vốn an toàn ở mức 9% (như: Vietcombank, Vietinbank, BIDV...). Tuy nhiên, để có thể triển khai tốt được Basel II, hướng tới Basel III, các NHTM Việt Nam đang gặp những thách thức sau:

Một là, quy định của Basel cũng như hướng dẫn của NHNN đều yêu cầu các NHTM phải tính toán đo lường các loại rủi ro, cũng như tính toán yêu cầu về vốn để đảm bảo việc phòng ngừa rủi ro. Theo Basel, đối với rủi ro tín dụng - loại rủi ro lớn nhất của các ngân hàng, thì các NHTM có thể tiếp cận theo phương pháp Đánh giá nội bộ - IRB, phương pháp cho phép việc ước lượng rủi ro, cũng như tính toán yêu cầu vốn được chính xác hơn. Để có thể đáp ứng được việc tính toán theo IRB, NHTM phải hội đủ các điều kiện tối thiểu của Basel là yêu cầu về công khai thông tin. Bên cạnh đó, phương pháp IRB cũng đòi hỏi các ngân hàng phải có hệ thống tính toán quản trị rủi ro chuyên biệt, ước lượng chính xác. Vì thế, hiện nay ở Việt Nam, rất ít ngân hàng có thể đáp ứng đủ điều kiện để áp dụng phương pháp này.

Hai là, việc vận dụng đầy đủ các chuẩn mực Basel yêu cầu đội ngũ cán bộ

trong bộ phận quản trị rủi ro của ngân hàng phải có kiến thức và trình độ vững, có kỹ năng phân tích, dự báo. Tuy nhiên, các NHTM Việt Nam hiện nay vẫn còn thiếu đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực quản trị rủi ro.

Ba là, theo dự thảo Thông tư mới của NHNN, hệ số điều chỉnh theo rủi ro tín dụng có tính đến nợ xấu, theo đó, các khoản nợ xấu sẽ được điều chỉnh mức hệ số riêng và không liên quan đến đối tượng vay nợ. Trong khi đó, Thông tư số 02/2013/TT-NHNN hiện nay đang áp dụng có thể làm tăng các khoản mục nợ xấu trên bảng cân đối kế toán của ngân hàng, do toàn bộ dư nợ và giá trị các cam kết ngoại bảng của một khách hàng phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ. Điều này yêu cầu các NHTM trước hết muốn đạt yêu cầu tỷ lệ vốn an toàn phải loại bỏ nợ xấu.

Bốn là, chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) có nhiều điểm khác biệt so với chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS). Nếu áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam, các NHTM có thể đạt yêu cầu về tỷ lệ vốn tối thiểu. Tuy nhiên, nếu tuân theo chuẩn mực kế toán quốc tế, các ngân hàng này lại không đạt yêu cầu về vốn tối thiểu. Do đó, ngoài việc xem xét các yêu cầu về vốn theo VAS, các ngân hàng nên rà soát theo cả tiêu chuẩn IFRS.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Để có thể chuẩn hóa theo tiêu chuẩn Basel II và Basel III, các NHTM Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, các ngân hàng nên xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả bao gồm việc: hoàn thiện tổ chức bộ máy quản trị rủi ro của ngân hàng; xây dựng cơ chế quản trị rủi ro hiệu quả dựa trên hướng dẫn của NHNN và Basel; hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu làm tiền đề cho việc tính toán đo lường rủi ro một cách chính xác; thường xuyên lập báo cáo về quản trị rủi ro để đánh giá hiệu quả của bộ máy quản trị, cũng như công cụ quản trị và có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Thứ hai, để có thể triển khai được chuẩn mực Basel, yêu cầu các NHTM phải chuẩn bị nguồn lực tài chính, cũng như đội ngũ nhân sự triển khai có trình độ. Do đó, các ngân hàng cần phân bổ và chuẩn bị chi phí cho việc triển khai Basel. Đồng thời, các ngân hàng cũng nên lựa chọn các đối tác nước ngoài để tư vấn lộ trình triển khai Basel, cũng như đào tạo chuyên sâu các kiến thức về Basel cho đội ngũ cán bộ. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Basel Committee on Banking Supervision (1993). *The supervisory treatment of market risk, Consecutive Proposal by BCBS*
2. Basel Committee on Banking Supervision (2005). *Basel II: International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards: A Revised Framework*
3. Basel Committee on Banking Supervision (2011). *Basel III: A global regulatory framework for more resilient banks and banking systems*
4. Basel Committee on Banking Supervision (2013). *Basel III: The Liquidity Coverage Ratio and liquidity risk monitoring tools*
5. Basel Committee on Banking Supervision (2014). *Basel III: the net stable funding ratio*